

KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP UBĐKCGVN (3/1955-3/2005)

NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI ĐƯỜNG HƯỚNG “ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC” VÀ ỦY BAN ĐOÀN KẾT CÔNG GIÁO VIỆT NAM

ĐỖ QUANG HUNG*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, đối với đại đa số người dân cũng như đồng bào Công giáo ở nước ta ai ai cũng đều hiểu rằng Ủy ban Đoàn kết Công giáo (UBĐKCG) cũng như một số tổ chức tôn giáo xã hội khác ở nước ta là những thành viên không thể thiếu được của khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo trong ngôi nhà chung rộng lớn là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nửa thế kỉ đã qua đi đối với tổ chức này của người Công giáo, trong nỗ lực dẫn thân, đồng hành cùng dân tộc qua các giai đoạn của đất nước, từ cách mạng dân tộc dân chủ đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, người ta còn có thể phải phân tích hơn nữa vai trò, vị trí “cầu nối”, “môi dây liên hệ”, “cây cầu”, v.v... của tổ chức này giữa cộng đồng Dân Chúa trong Giáo hội Công giáo Việt Nam với Nhà nước và xã hội.

Nói chung, từ đồng bào tín hữu đến người ngoài Công giáo, nhận thức trên ngày càng sâu sắc, định hình và đó là một trong những nhân tố đóng góp tích cực cho việc giải quyết vấn đề, thuộc số những vấn đề cơ bản nhất của Giáo hội Công giáo Việt Nam nhiều thập kỉ nay, là

vấn đề quan hệ giữa Công giáo và Dân tộc, Đạo và Đời...

Nhưng cũng mới đây thôi, người viết bài này vẫn đọc những dòng sau đây trong một công trình của C. Prudhomme và J.F. Zor. Hai tác giả này có nhận định rằng: “Việc thành lập UBĐKCG ở Hà Nội vào năm 1985, một tổ chức liên hiệp của những người Công giáo yêu nước có thể được coi như một giai đoạn mới của chính sách kiểm soát của chính phủ và nhằm sáp nhập đạo Công giáo vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”⁽¹⁾.

Như vậy là rõ ràng vẫn tồn tại một cách nhìn không giống cách nhìn của chúng ta và chắc chắn nhận định này khó có thể được chấp nhận của người dân Việt Nam dù có tôn giáo hay không có tôn giáo.

Bài viết này của chúng tôi muốn đề cập đến một vài khía cạnh có liên quan

*. GS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xem: *Lịch sử Kitô giáo thế giới* (nguyên văn tiếng Pháp: *Histoire du Christianisme*, do J.M. Mayeur, L. Pietri, A. Vanchez và M. Venard chủ biên) t. 13. Nxb Descléc. Paris 2000, tr.672. Thực ra UBĐKCGVN được thành lập từ 3/1955 đã nhiều lần thay đổi tên gọi, năm 1983 là lần đổi tên cuối cùng cho đến nay. Hai tác giả của bài viết đã viết lầm là năm 1985.

trực tiếp đến luận điểm trên. Một mặt, người viết muốn được cung cấp những dữ kiện lịch sử, những tài liệu gốc để thấy rõ thái độ của người mác-xít Việt Nam từ trước đến nay về đường hướng *Đồng hành cùng dân tộc* và về UBĐKCG. Mặt khác, ta thấy rõ *sự bất gặp* của tư tưởng quan trọng này với chính sự tư duy của những người mácxít.

Đành rằng chúng ta đều thừa nhận: Đường hướng này có gốc rễ từ chính nhu cầu nội tại của những người Công giáo yêu nước, đặc biệt từ nửa cuối thế kỉ XIX. Mặt khác, cũng phải nói ngay rằng, nhiều nhà yêu nước thuộc khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX như Phan Bội Châu, trước cả những người Cộng sản đã hiểu và ủng hộ tích cực cho đường hướng này. *Duy Tân giáo đồ hội* (1905) của Phan Bội Châu-Mai Lão Bạng lập ra là một thành công độc đáo của công tác “Công giáo vận” của *Duy Tân hội* hồi đầu thế kỉ XX.

Đến lượt mình, những người Cộng sản ở Việt Nam đã làm được một việc mà theo chúng tôi còn quan trọng hơn. Từ sự nhận thức ngày càng sâu sắc, toàn diện về khuynh hướng này, dần dần Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đã có những đường lối, chính sách cụ thể góp phần thúc đẩy, phát huy đường hướng này, tạo thêm điều kiện để người Công giáo Việt Nam có thể tìm ra mô hình về một UBĐKCG. Đó là một hình thức rất thích hợp để người Công giáo có thể thực hiện đường hướng “Đồng hành cùng dân tộc” và điều đó được khái quát trong một khẩu hiệu đầy tính triết lí: *Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc*.

Những người mácxít Việt Nam với vấn đề Công giáo

Ở nước ta, ai cũng biết Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho những tư duy chính trị đúng đắn từ phía Nhà nước để giải quyết “vấn đề Công giáo”. Từ rất sớm, Người đã nhìn nhận vấn đề cơ bản then chốt nhất là mối quan hệ giữa Công giáo và dân tộc trong tiến trình cách mạng. Hồ Chí Minh đã vượt lên trên tầm nhìn của các nhà yêu nước đương thời trong vấn đề này. Chính Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ cái căn gốc, cái bất biến cho chiến lược đại đoàn kết, hoà hợp dân tộc mà một bộ phận quan trọng là “đoàn kết tôn giáo”, đó là: “*chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*” (1924, *Báo cáo về Bắc Kỳ...*). Nếu như có lúc Nguyễn Ái Quốc tỏ ra gay gắt với “vấn đề Công giáo”, thì đó cũng chỉ là sự phản ứng của Người với cái “chủ nghĩa giáo sĩ” trong đạo và sự dính líu của cái chủ nghĩa ấy với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân mà thôi (*Bản án chế độ thực dân Pháp*, 1925).

Hồ Chí Minh còn phát triển những tư tưởng đúng đắn của Người ngay khi ĐCSVN trở thành Đảng cầm quyền và Người trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước VNDCCH. Việc Người đặt các vị thánh nhân của các tôn giáo, các hệ tư tưởng lớn cạnh nhau, còn bản thân mình nguyện “làm người học trò nhỏ của các vị ấy” (1946) đã rất nổi tiếng trên phương diện lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Có rất nhiều tư liệu để có thể kết luận rằng vào thời điểm ấy Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã là người Cộng sản Việt Nam đầu tiên có ý tưởng đầy đủ về mô thức “kính Chúa yêu nước” cho lối sống đạo của người Công giáo Việt Nam trên một nền tảng chính trị – xã hội mới.

Người còn có sáng kiến lớn trong việc cổ vũ các giáo sĩ yêu nước thành lập các tổ chức *Công giáo cứu quốc*, thu hút các giáo sĩ, giáo dân yêu nước tự nguyện đứng trong hàng ngũ Việt Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh sớm ảnh hưởng đến các đồng chí mình. Báo *Sự Thật* số 25/12/1948, xuất bản giữa rừng Việt Bắc, nhân ngày lễ Nôen có đăng bài quan trọng của Trường Chinh: *Cộng sản và Tôn giáo*. Khi nói về “Bài học lịch sử” của quan hệ Công giáo - Dân tộc, tác giả viết: “Thực dân Pháp đang ra sức tuyên truyền bài cộng, chúng bảo Cộng sản là kẻ tử thù của tôn giáo, cố kéo 2 triệu đồng bào Công giáo và mấy chục vạn đồng bào Hoà Hảo, Cao Đài giúp chúng chiếm lại nước ta, cũng như hơn nửa thế kỉ trước đây chúng bảo: Các vua Minh Mạng, Tự Đức đã giết đạo thì phải giúp chúng để đạo được tự do. Bấy giờ các vua diệt đạo, nên lương giáo chia rẽ, nước đã mất. Công giáo đã lắng nghe Pháp, nên dân tộc đã trầm luân”.

Gần đây, chúng ta được đọc trong Kho Lưu trữ quốc gia III một tài liệu mới chưa công bố của Hồ Chí Minh về vấn đề Công giáo trong kháng chiến. Bước đầu thẩm định văn bản cho thấy Người chuẩn bị viết một cuốn sách mỏng để tố cáo thực dân Pháp đàn áp, sát hại những người Công giáo yêu nước và phê phán lên án những khuynh hướng, những hành động xấu xa của bè lũ tay sai Bảo Đại thân Pháp vẫn tiếp tục lợi dụng đồng bào Công giáo để chống phá kháng chiến.

Người viết: “Ngày xưa vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị và vua Tự Đức cậy thế *Quân chủ* (Nguyên bản - ĐQH) giết hại giáo sĩ ngoại quốc và đồng bào Công

giáo Việt Nam. Thực dân Pháp mượn cớ ấy để chia rẽ dân ta và cướp nước ta.

Sau 80 năm bóc lột áp bức dân ta, thực dân Pháp bị đánh đổ. Nước ta được giải phóng.

Thực dân Pháp lợi dụng thủ đoạn cũ mong chia rẽ lương và giáo, để làm kém lực lượng kháng chiến của ta để cướp nước ta một lần nữa.

Song thực dân Pháp quên rằng:

- Việt Nam ngày nay đã là dân chủ cộng hoà, tôn giáo tự do.

- Việt Nam ngày nay đã *toàn dân đoàn kết*, giáo cũng như lương kiên quyết kháng chiến để tranh lấy thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

- Đồng bào Công giáo quyết thực hiện khẩu hiệu: *Phụng sự Đức Chúa, Phụng sự Tổ quốc*. Và đều hiểu rằng kính Chúa mà không biết yêu nước là chưa biết kính Chúa, mà yêu nước thì phải kháng chiến⁽²⁾.

Như vậy, Hồ Chí Minh một lần nữa lại trở về với những “kinh nghiệm lịch sử”. Sự phân tích độc đáo của Người về chế độ quân chủ phong kiến của nhà Nguyễn vừa hạn hẹp lại vừa cực đoan, đặc biệt của các ông vua Nguyễn là một nguyên nhân quan trọng để cộng đồng Công giáo không thể thực hiện được đường hướng “đồng hành cùng dân tộc” và khó có thể thực hiện được lòng yêu nước ấy trong thực tiễn lịch sử. Người chỉ ra một chân lí tưởng như rất đơn giản: *Đường hướng đồng hành với dân tộc của*

2. *Giặc Pháp giết hại Công giáo Việt Nam*. Bản thảo tác phẩm của Hồ Chí Minh. Tài liệu viết khoảng năm 1948 - 1949. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III. Toàn bộ tập tư liệu đánh máy dài trên 70 trang, có bút tích sửa chữa bản thảo của Hồ Chí Minh rất rõ ràng.

người Công giáo yêu nước chỉ có thể thực hiện tốt nhất, trọn vẹn trong môi trường chế độ “*Dân chủ cộng hoà*” và tất nhiên tiếp theo đó là môi trường XHCN.

Những người Cộng sản Việt Nam được dẫn dắt bởi học thuyết về tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngay từ khi mới cầm quyền, đã có định hướng đúng: để giải quyết vấn đề tôn giáo không thể bắt đầu từ việc tranh luận *Có thần hay không có thần*; cũng không phải sự hướng thượng bầu trời huyền bí mà là mảnh đất hiện thực của cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng Nhà nước dân chủ cộng hoà non trẻ. Vấn đề tôn giáo trước hết còn là việc làm thức dậy, phát huy được hay không những năng lực yêu nước trong các tôn giáo, đồng thời làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực đế quốc và phản động tay sai.

Khi cuộc kháng chiến đã đến thời điểm cam go, cũng là lúc những người Cộng sản Việt Nam phải trả lời những vấn đề cụ thể hơn liên quan đến các tôn giáo trong đó nổi bật vẫn là những vấn đề của đạo Công giáo. Chúng ta có thể nghiên cứu lại ý kiến của Lê Duẩn trong *Báo cáo tình hình chung ở Nam Bộ* (1948). Lê Duẩn phân tích: “Công giáo ở Nam Bộ có vài đặc điểm khác hơn Công giáo ở Trung và Bắc. Ở Trung và Bắc thực dân Pháp dựa vào Công giáo để coi chừng bọn bảo hoàng phong kiến, đặt cho Công giáo một vài quyền lợi. Ở Nam Bộ thực dân Pháp dựa vào bọn thượng lưu tư bản địa chủ, không cần đến Công giáo nhiều. Hơn nữa Nam Bộ có hai bộ phận Cao Miên và bộ phận Sài Gòn, bộ phận Cao Miên bị khinh rẻ và Hậu Giang thuộc về bộ phận Cao Miên nên một số cha ở Hậu Giang cách mạng nhiều...”⁽³⁾.

Trong những thời điểm gay gắt nhất của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ, những người Cộng sản Việt Nam vẫn có cái nhìn thật tỉnh táo về “vấn đề Công giáo”. Chẳng hạn, trong *Báo cáo tình hình miền Nam* của Trung ương cục miền Nam năm 1957, có nhận định:

“Về Công giáo kháng chiến ở Nam Bộ vẫn tiếp tục duy trì sự đoàn kết như trước. Những cha cố Công giáo di cư vào Nam, Mỹ, Diệm không lôi kéo được tất cả. Vì bản thân họ thấy giữa Việt Minh với họ 9 năm kháng chiến không có vấn đề gì, mà còn giúp đỡ lẫn nhau.

Công giáo di cư mới vào lúc đầu nói chung là ủng hộ Diệm, kịch liệt chống ta. Nhưng về sau dần dần Diệm bỏ rơi họ, bắt họ đi làm đồn điền, lên Tây Nguyên đốt nhà, cúp lương vì sự tranh giành gay gắt của Ngô Đình Diệm với các giám mục khác như Từ, Chi về sự tranh giành địa phận con chiên của linh mục di cư vào trong Nam làm cho hàng ngũ Công giáo bị lưu chuyển mạnh. Một số lớn Công giáo di cư đã chống Mỹ - Diệm”⁽⁴⁾.

Cũng ở cuối thập kỉ 60 thế kỉ XX, trong sự phân tích của ĐCSVN về vấn đề Công giáo có một nét mới khác nữa là: Tiếp cận vấn đề sâu hơn về phương diện cơ cấu kinh tế - xã hội của cộng đồng này trong thời thuộc địa cũng như những chuyển biến dưới chế độ mới.

Trong một báo cáo về tình hình tôn giáo giữa năm 1960, những người mácxít Việt Nam đã lưu ý hơn đến tính cách

3. *Báo cáo tình hình chung ở Nam Bộ*, tr. 5. Lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng. Cho đến giai đoạn đó trong các địa phận mà Toà Thánh phân định ở Đông Dương, bao gồm cả Campuchia.

4. Tài liệu lưu trữ của Viện Lịch sử Đảng, tr. 6.

“thực dân và phong kiến” trong đạo như Lm. Trần Tam Tĩnh sau đó đã phân tích rõ nét trong cuốn *Thập giá và lưỡi gươm* nổi tiếng. Nhiều người mác-xít Việt Nam cho rằng, *Tính cách phong kiến* là đậm nét: ruộng đất sở hữu khá nhiều, có những địa phận có ruộng cho phát canh thu tô. Ngoài ra, trong Giáo hội còn tồn tại cả lối bóc lột Trung cổ (biến tướng của lao dịch...).

Về phương diện xã hội học, có thể phải có những nghiên cứu đầy đủ hơn. Nhưng rõ ràng đây cũng là một cách nhìn có tính biện chứng về một cộng đồng tôn giáo có cấu trúc xã hội trần thế đặc biệt hơn so với nhiều tôn giáo khác.

Như vậy, suy nghĩ của những người Cộng sản Việt Nam về vấn đề Công giáo luôn có tính nhất quán dù ở những thời điểm gay gắt, quyết liệt nhất của cách mạng như những năm đầu của các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đó là cái nhìn của tư tưởng Hồ Chí Minh: trong vấn đề Công giáo càng cần có sự phân biệt thật tinh táo giữa đức tin và chính trị, giữa nhu cầu tôn giáo chân chính của người dân với một bộ phận giáo sĩ vốn có những hệ lụy với chủ nghĩa thực dân. Hơn thế nữa, phải luôn tin tưởng vào xu hướng cơ bản trong cộng đồng Công giáo nước ta là: Số đông đảo giáo dân là người lao động yêu nước và một số không ít trong hàng ngũ chức sắc giáo sĩ luôn luôn tiềm ẩn trong lòng mình *tình tự dân tộc* khi thực hành nếp sống đạo *mến Chúa yêu Người*. Vì thế, họ luôn luôn có khả năng tham gia các phong trào yêu nước của dân tộc, với những khả năng đa dạng.

Từ lý thuyết đến hiện thực

Đưa đường hướng “đồng hành cùng dân tộc” của đạo Công giáo vào thực tiễn

là việc không bao giờ dễ dàng. Trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta, việc giải quyết vấn đề này không chỉ tùy thuộc vào ý chí, nguyện vọng của đông đảo tín hữu và không ít các giáo sĩ có thái độ tích cực trong việc “tìm về dân tộc”, cũng như chỉ tùy thuộc vào sự mong mỏi từ phía Nhà nước, Đảng cầm quyền. Việc giải quyết vấn đề này còn tùy thuộc một phần vào những vấn đề thuộc *quan niệm về Giáo hội*, về những “đặc tính lịch sử” của đạo Công giáo ở Việt Nam và những trở lực không nhỏ từ phía giáo luật.

Tuy vậy, việc giải quyết vấn đề này ở nước ta, hay nói chung là việc giải quyết mối quan hệ Nhà nước – Giáo hội vẫn có những thuận lợi rất căn bản.

Nếu như trong cuộc Đại Cách mạng Pháp 1789 đã có lúc cả nước Pháp phải đứng trước một sự lựa chọn giữa hai tình cảm đối lập, giữa hai thái độ cực kỳ tế nhị là *ủng hộ* hay *thù địch* tôn giáo⁽⁵⁾ thì ở nước ta, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 lại in đậm *tính cách dân tộc* là cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất quốc gia, quyền tự chủ và khai phóng về văn hoá. Sức hấp dẫn tự thân của cuộc cách mạng này, và gắn liền với nó là hình ảnh Hồ Chí Minh, thực lớn lao trong không khí của cuộc Cách mạng tháng Tám, chưa bao giờ trong Giáo hội Công giáo Việt Nam lại sôi động, rạo rực trước mệnh đề: *Tổ quốc có độc lập thì tôn giáo mới thực sự tự do. Có hoà bình trong sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc thì Giáo hội mới có vị trí về vang...*

5. Xem: J. Delumeau trong *Des Religions et des Hommes*. Paris 1997, tr.329.

Vì thế, điều dễ hiểu là ngay trong *Chính phủ lâm thời* và các hình thức Chính phủ tiếp theo đã sớm có mặt những nhân vật Công giáo nổi tiếng: từ Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Đình Tụng, Nguyễn Thành Vinh cho đến các vị như Ngô Tử Hạ, Thái Văn Lung, Phạm Bá Trục, Nguyễn Bá Luật... nếu không kể đến hai nhân vật đặc biệt là Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn, hai vị giám mục cố vấn tối cao của Chính phủ.

Về mặt phong trào yêu nước, sự tham gia ngày càng đông đảo của các linh mục, tu sĩ, giáo dân yêu nước khắp Bắc - Trung - Nam và những đóng góp đáng kể của họ trong cuộc kháng chiến trong các tổ chức thuộc *Hội Công giáo cứu quốc* từ lâu đã được khẳng định.

Tuy vậy, về phương diện tổ chức, thì không phải mọi chuyện đều suôn sẻ. Nhiều vị linh mục khi tham gia các tổ chức Công giáo kháng chiến đã phải lợi dụng cả "kẻ hở" trong giáo luật và giáo huấn của Tòa Thánh để có thể hi vọng tránh bị trừng phạt vạ *tuyệt thông* với Giáo hội.

Đúng là khi "đồng hành với dân tộc", trong giai đoạn kháng chiến quyết liệt thì đó thực sự là việc tham gia, dấn thân vào những hoạt động chính trị yêu nước mà điều đó thường đụng độ với những quan niệm chính thống về Giáo hội và Giáo luật.

Một ví dụ tiêu biểu cho câu chuyện này là câu chuyện của Mục sư Lê Văn Thái - Người đứng đầu Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, vinh hạnh có mặt trong cuộc hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bắc Bộ phủ ngày 8/9/1945. Trước đề nghị chân thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Hội Thánh Tin Lành Việt Nam có nên lập Tin Lành cứu quốc hay không*,

Mục sư Lê Văn Thái đã từ chối vì theo ông: "đề nghị đó không thể chấp nhận được vì không hiệp với tôn chỉ Hội Thánh... Tôn chỉ của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam là Tin Lành phải thuần túy không mang màu sắc chính trị, không dung nạp chính trị và không chịu ai tuyên truyền chính trị"⁶.

Nhưng rồi cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc cũng khiến cho quan niệm trên không thể đứng vững được. Tài liệu lưu trữ đã cho thấy vào những năm 1947 - 1948 *Hội Tin Lành kháng chiến Nam Bộ* vẫn ra đời và thậm chí tổ chức này còn gửi thư cho "Cha già Hồ Chủ tịch và quý Anh ở Trung ương" bày tỏ quyết tâm tham gia kháng chiến của người tín hữu Tin Lành Nam Bộ.

Nhưng vấn đề cũng không chỉ dễ dàng và đơn tuyến như vậy. Cho đến tận những năm đầu hoà bình lập lại ở miền Bắc, lợi dụng những khó khăn của Đảng và Nhà nước trong việc khắc phục những sai lầm trong cải cách ruộng đất, những biến diễn phức tạp của phong trào *Nhân văn - Giai phẩm*, những vấn đề gay gắt trong công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh (Việc trưng thu ruộng đất đối với cả Nhà chung...), lợi dụng sự bất mãn của một số linh mục và giáo dân nhẹ dạ, những phần tử xấu trong Giáo hội Công giáo ở miền Bắc lúc đó đã kích động một số vụ nổi lên chống lại chính quyền như ở Quỳnh Lưu (Nghệ An), Ba Làng (Thanh Hoá)...

Tình trạng "chiến tranh lạnh" về mặt tôn giáo lúc đó còn thể hiện khá rõ cho đến tận đầu thập kỉ 70 thế kỉ XX trước

6. MS. Lê Văn Thái. *46 năm chức vụ* (Hồi ký). Cơ quan Tin Lành xuất bản. Sài Gòn 1971, tr.160.

hết trong hàng giáo phẩm ở miền Bắc. Xin nhắc lại ở đây ý kiến nhận xét của Lm. Trần Tam Tĩnh – người tham gia đoàn đại biểu của ba Giáo hội Kitô giáo thuộc 4 nước Canada, Ý, Pháp và Việt Nam, “từ phía bên kia”, được phép đến tham quan miền Bắc vào tháng 9/1973. Linh mục có nhận xét: “Có thể nói mà không sợ sai lầm rằng, hầu hết các giám mục ở miền Bắc chống đối chế độ. Nếu năm 1955, sau khi về tiếp thu Hà Nội, Chính phủ Hồ Chí Minh đã ra lệnh khoan hồng không nhắc nhở đến quá khứ của các linh mục đã cầm súng chống lại kháng chiến..., các nhà lãnh đạo Giáo hội miền Bắc vẫn chủ trương áp dụng *Thư chung 1951*. Có những đức cha đã từ chối những phép bí tích cho những giáo dân vào hợp tác xã, hay cho con cái đi học trường chính phủ. Có những đức cha đã treo chén các linh mục cộng tác với chính quyền trong các vấn đề ái quốc và kiến quốc. Có đức cha đã từ chối không làm lễ trong nhà thờ nọ vì trước cửa của nhà thờ nọ có treo cờ đỏ sao vàng. Có đức cha đã phạt và rút phép thông công trùm, tương cho phép hợp tác xã phối thóc, lúa trong sân nhà thờ...”⁽⁷⁾.

Ông còn có những nhận xét đáng chú ý về nếp sống đạo của người Công giáo miền Bắc lúc đó khá nặng nề như sau: “Tôi đã nghe bốn đạo đọc kinh và tôi giật mình vì thấy còn đọc những câu kinh xem ra không nên đọc, dù là ở nước Đức Giáo Hoàng”. Thí dụ câu kinh bốn: “Hỏi kẻ lành là ai, kẻ dữ là ai? Thưa kẻ lành là kẻ có đạo và giữ đạo nên, kẻ dữ là kẻ chẳng có đạo và giữ đạo chẳng nên” hay câu kinh cầu cho kẻ ngoại gọi những người không Công giáo là “những kẻ tối tăm thờ bụt thần ma quỷ”, hay những kinh Đức Mẹ Fatima “chống cộng sản vô thần”⁽⁸⁾.

Nói điều này để chúng ta thấy rõ những khó khăn trở lực ngay trong cộng đồng Công giáo miền Bắc khi bắt tay xây dựng tổ chức yêu nước của mình. Điều đáng mừng là số đông đồng bào Công giáo và những linh mục, tu sĩ yêu nước vẫn kiên trì đường hướng đúng đắn đồng hành cùng dân tộc. Vào thời điểm các cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ với miền Bắc tháng 8/1964 cũng có 80% đồng bào nông dân theo đạo Công giáo đã vào hợp tác xã nông nghiệp và đời sống của họ ngày càng hoàn thiện. Đi đôi với những thay đổi lớn lao về phần xác, trong việc giữ đạo thờ Chúa cũng có thêm những điều kiện thuận lợi để làm điều lành, tránh điều dữ. Đúng là “*Đói phần xác nhếch nhác phần hồn, no cơm ấm áo xác hồn đều vui*”.

Cuộc sống đã dần dần chứng minh việc đời và việc đạo thực sự gắn bó khăng khít như hình với bóng, tôn giáo không thể đứng ngoài xã hội, Giáo hội không thể đứng ngoài Tổ quốc. Trong Đại hội Đại biểu Công giáo toàn miền Bắc năm 1964, bác sĩ Vũ Đình Tụng thay mặt Ban Trù bị Đại hội trình bày bản báo cáo trong đó nhận thức trên được diễn tả như sau: “Chân lí của chúng ta đang theo đuổi và không bao giờ được buông lơi, là kính Chúa và yêu nước là nhiệm vụ không thể phân chia. Có hết lòng phục vụ Tổ quốc thì mới làm sáng danh đạo Chúa. Người Công giáo tốt phải là người công dân tốt. Không phải dễ dàng mà tìm ra được chân lí ấy. Tiếc thay, Giáo hội cũng chưa từng giảng dạy cho chúng ta những điều phải lẽ đó... Cũng xin thành thật nói thẳng ra

7. Trần Tam Tĩnh. *Tôi về Hà Nội* (in lần thứ 2). Cộng đồng Việt Nam xuất bản. Paris 1975, tr. 56.

8. *Tôi về Hà Nội*. Sđd, tr. 61.

một điều: vẫn còn một số bề trên chưa thuận tình với bề dưới, chưa cùng với giáo hữu ta *một bến một thuyền!* Thay mặt toàn thể giáo hữu, Đại hội tỏ lòng mong muốn một số đảng bậc đó sẽ không phụ lòng nhân dân và giáo hữu. *Ý dân là ý Chúa*, giáo hữu ta kiên quyết giữ lấy giáo lí, kiên trì giúp đỡ mọi người cùng nhau phục vụ Tổ quốc nhưng cũng kiên quyết đấu tranh ngăn chặn mọi hành động có hại cho dân, cho nước, cho thanh danh nền đạo⁽⁹⁾.

Đảng và Nhà nước Việt Nam ở thời điểm đó cũng liên tục có những nỗ lực trên nhiều tầng cấp để góp phần đưa đường hướng “đồng hành cùng dân tộc” của người Công giáo Việt Nam vào đời sống xã hội. Về mặt vĩ mô, Đảng và Nhà nước ngày càng có sự chuyển biến tích cực về đường lối và chính sách tôn giáo. Đặc biệt là ban hành Sắc lệnh 234 SL ngày 14/6/1955 về chính sách tôn giáo do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh kí. Đây là văn bản có tính pháp lí tiêu biểu cho những cống hiến quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên chặng đường đầu tiên xây dựng luật pháp tôn giáo ở nước ta trong đó phản ánh rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về mối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Nhà nước cũng như với Toà Thánh.

Đảng thấy rõ nét đặc thù của Giáo hội Công giáo là một Giáo hội Hoàn Vũ và nhất thể chế khiến cho Giáo hội Công giáo Việt Nam, tất yếu lệ thuộc vào Giáo triều Rôma và các Giáo hội “địa phương” trong đó có Việt Nam là điều hết sức “tế nhị và phức tạp” nếu gắn nó với Nhà nước.

Trong sắc lệnh này, lần đầu tiên Nhà nước ta chính thức tuyên bố nguyên tắc

“không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo” (Điều 23, Chương 4), một trong những nguyên tắc cơ bản của Nhà nước thế tục.

Cũng trong Điều 23 còn ghi: “Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam và Toà Thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo”.

Sắc lệnh không những đã đề cập một số vấn đề có tính nguyên tắc lâu dài của Chính phủ ta với người Công giáo Việt Nam và Toà Thánh La Mã, mà còn có ý nghĩa bác bỏ luận điệu: Chính phủ Việt Nam chủ trương đối lập Giáo hội Việt Nam với Rôma và muốn tách Giáo hội Việt Nam khỏi La Mã nhằm kích động giáo dân trong và ngoài nước chống lại chính quyền.

Vào thời điểm ban hành sắc lệnh nói trên, J. Sainteny, một quan chức cao cấp Pháp có mặt ở Hà Nội đã phải thừa nhận những nỗ lực lớn của Chính phủ ta trong việc cải biến mối quan hệ giữa tôn giáo và Nhà nước: “Chính phủ Hà Nội rõ ràng đã uốn nắn lập trường của mình và tôi thực cảm động nhớ lại ngày lễ Nôen năm ấy, trong nhà thờ và ngoài đường phố có những đám đông dân chúng có khi xen lẫn những bộ đồng phục quân nhân Quân đội Nhân dân Việt Nam. Có lẽ phần lớn là nhờ uy tín của ông Hồ nên mới có lập trường khá tự do đó, mà có người cho là kì lạ vì Bắc Việt Nam là Cộng sản chính thống⁽¹⁰⁾”.

Rõ ràng, Đảng và Nhà nước hết sức hết sức tôn trọng tính cách, đặc điểm của Giáo hội Công giáo Việt Nam như quan hệ của Giáo hội với Toà Thánh. Đồng thời,

9. Đại hội đại biểu Công giáo miền Bắc. Nxb Phổ thông, 1964, tr 8,10.

10. J. Sainteny. *Face à Hồ Chí Minh*. Nxb Serghers. Paris 1970.

Đảng và Nhà nước cũng kiên trì việc cổ vũ và tạo điều kiện để đường hướng “đồng hành cùng dân tộc” ngày càng chế ngự trong đời sống đạo. Năm 1961, Đảng có thêm chủ trương *Về công tác đối với đạo Thiên Chúa ở miền Bắc*.

Tài liệu này nói rõ:

a) Nhà nước không can thiệp vào công việc thường lệ, thuần túy thuộc nội bộ tôn giáo, không trái với chính sách, luật lệ chung. Mọi hoạt động của Giáo hội phải phù hợp với chính sách và pháp luật của Nhà nước.

b) ...

c) Mối quan giữa Giáo hội Việt Nam với Giáo hội quốc tế phải là mối quan hệ thuần túy tôn giáo, không được tổn thương đến chủ quyền dân tộc, không có hại đến lợi ích của nhân dân, chống lại những hoạt động phản tuyên truyền và can thiệp vào nội bộ chế độ ta⁽¹¹⁾.

Có thể nói, việc chuẩn bị cho sự xuất hiện UBĐKCG trong giai đoạn này là cả một quá trình chuẩn bị lâu dài, là kết quả của nỗ lực từ nhiều phía, song hết thảy đều hướng tới một mục tiêu duy nhất đúng đắn là “đồng hành cùng dân tộc” – một đường hướng sống đạo có ý nghĩa thần học tiêu biểu và lâu dài của Giáo hội Công giáo ở Việt Nam.

Vấn đề Ủy ban Đoàn kết Công giáo

Việc tìm kiếm mô hình tổ chức cho UBĐKCG cũng giống như nhiều tổ chức yêu nước và cách mạng khác là cả quá trình lâu dài trong thực tiễn cách mạng. *Hội Công giáo cứu quốc* ra đời từ tháng 8/1945 theo sáng kiến của Hồ Chí Minh tuy chưa có ảnh hưởng ra nước ngoài nhưng cũng là câu nổi đầu tiên để các

giáo hữu và các linh mục yêu nước tham gia cách mạng. Tháng 3/1946, tại Hà Nội, *Liên đoàn Công giáo Việt Nam* xuất hiện, tồn tại song song với tổ chức trên trong chừng mực nào đó lôi cuốn đông đảo hơn thành phần giáo dân. Riêng *Liên đoàn Công giáo Nam Bộ*, thành phần tham gia đông đảo hơn, bao gồm cả các linh mục, tu sĩ và giáo dân. Ngoài ra, trong kháng chiến chống Pháp, ở từng khu vực còn có các hình thức tổ chức khác. Thí dụ ở Bắc Bộ có: *Ủy ban liên Lạc kháng chiến Liên khu III*, *Ủy ban Liên lạc kháng chiến Tả ngạn*, *Hội Công giáo kháng chiến Việt Bắc*, v.v...

Mặc dù có nhiều tên gọi và phạm vi hoạt động khác nhau nhưng tính cách của các tổ chức trên đều là một.

Tháng 8/1953, tại chiến khu Việt Bắc, lần đầu tiên có một *Hội nghị Tôn giáo toàn quốc*, nhóm họp với sự quy tụ của 164 đại biểu trí thức của các tôn giáo như Công giáo, Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành. Hội nghị quan trọng này có thể coi là sự đánh dấu sự xuất hiện ý tưởng về một tổ chức yêu nước, đoàn kết Công giáo rộng rãi hơn, thực sự có tính cách toàn quốc. Các đại biểu của các tổ chức Công giáo kháng chiến của cả 3 miền Trung-Nam-Bắc tại Hội nghị này đều có chung chí hướng về việc thống nhất về tổ chức và tạo nên tiếng nói chung cho phong trào Công giáo yêu nước trong cả nước.

Bất chấp những suy nghĩ trên đây, đầu năm 1955, Đảng Lao động Việt Nam cho ra mắt bản *Thông tư* thể hiện rõ thái độ về vấn đề này.

11. Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng, tr. 4.

Bản *Thông tư* trên cho rằng: “Hiện nay đa số các linh mục và giáo dân tiến bộ ở cả miền Nam và miền Bắc đều tha thiết mong muốn có một tổ chức Công giáo toàn quốc để chống đối âm mưu của địch lợi dụng Công giáo và hướng dẫn Công giáo đi theo con đường chính nghĩa: *Phụng sự Thiên Chúa và Tổ quốc*”.

Căn cứ vào những điều trên, Trung ương Đảng quyết định vận động những người Công giáo tiến bộ, giúp họ thành lập *Ủy Ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo yêu Tổ quốc, yêu hoà bình*. Ủy ban này là tổ chức quần chúng của Công giáo có tính chất rộng rãi, nhằm mục đích:

“- Đẩy mạnh vạch trần mưu mô của địch lợi dụng tôn giáo.

- Đẩy mạnh sự tranh thủ rộng rãi các giáo sĩ và giáo dân.

- Làm cơ sở vững chắc cho các phân tử yêu nước tiến bộ trong Công giáo, hoạt động mạnh mẽ hơn nữa đặng gây một phong trào đấu tranh chống cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam và cùng đồng bào toàn quốc tham gia cuộc đấu tranh chính trị củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ¹²”.

Ngày nay, khi đọc lại văn bản trên chắc rằng vẫn có người cho rằng ý đồ của Đảng Cộng sản là nhằm lôi kéo đồng bào và chức sắc Công giáo vào các phong trào có tính chất chính trị của Cộng sản và là người sáp nhập Giáo hội Công giáo vào Mặt trận Tổ quốc! Nhưng thử hỏi vào thời điểm ấy (1955), khi Mỹ, Diệm đang ráo riết thực hiện việc dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào di cư vào Nam thì thái độ nói trên của Đảng và Nhà nước ta rõ ràng là cần

thiết cho lợi ích chung của toàn thể dân tộc và của chính người Công giáo.

Nhưng vì sao một Chính phủ cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ II, về mặt ý thức hệ, cục diện “chiến tranh lạnh” đã hình thành, trong đó sự đối đầu Công giáo và Cộng sản ngày càng rõ rệt, lại có thể thu hút đông đảo giới chức sắc ở Việt Nam mà nhiều vị linh mục trong số họ phải chấp nhận hình phạt của Tòa Thánh và Giáo hội?

Bí quyết của sự thành công này không gì khác là sự thắng thế của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Trong bài *Trái tim đi trước, lí trí đến sau* của Linh mục Võ Thành Trinh, đăng trên báo *Người Công giáo Việt Nam* ngày 30/5/1990, xác nhận: “Bấy giờ, hầu hết nhân dân ta ngay từ đầu đã đi theo, tin và ủng hộ cụ Hồ, phải chăng một lãnh tụ lớn là người mà đạo đức, tâm hồn và thể xác bên ngoài có sức thu hút quần chúng ngay lập tức? Và quần chúng, có một sự miễn cưỡng, một “giác quan thứ sáu tập thể” có thể biết ngay người nào là lãnh tụ chân chính của họ”.

Để kết thúc bài viết của mình, Linh mục viết: “Thông thường một sự nghiệp chính nghĩa, một nhân vật lãnh tụ đều phải có thời gian để quần chúng theo dõi và được chinh phục bởi tôn chỉ mục đích, học thuyết mà lãnh tụ ấy theo đuổi... Ở trường hợp Bác Hồ, chìa khoá để mở trái tim mọi người chính là trái tim mình. Trái tim Bác Hồ dành trọn vẹn cho đất nước và dân tộc. Có thể đó là bí quyết của

12. Nguyên bản: Thông tư số 1/TW, về việc chuẩn bị Hội nghị Công giáo toàn quốc thành lập Ủy ban Liên lạc những người Công giáo yêu Tổ quốc, yêu hoà bình, 2 trang đánh máy, để ngày 3/1/1955. Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.

Bác và những bậc thánh nhân kim cổ cũng đều có trái tim ấy, chìa khoá ấy”.

Từ ngày 8 đến 11 tháng 3 năm 1955, tại Hà Nội vừa giải phóng, Hội nghị Công giáo toàn quốc thành lập *Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo yêu Tổ quốc, yêu hoà bình*, tiền thân của UBĐKCGVN hiện nay.

Linh mục Võ Thành Trinh ghi lại câu nói của Bác Hồ tại Hội nghị ấy: “Các cụ biết tôi là cán bộ cách mạng, là người cộng sản. Những người cách mạng cộng sản có niềm tin khác với người có niềm tin tôn giáo. Nhưng mục đích của chúng tôi là lo cho nhân dân có cơm ăn, áo mặc, được học hành, sống sung sướng trong độc lập tự do. Các cụ lo việc tín ngưỡng, thờ Chúa, lo việc linh hồn tín đồ. Nhưng tín đồ cũng cần ăn, ở, mặc, học hành, cần được tự do hạnh phúc và các giáo sĩ khác chắc cũng quan tâm rất nhiều. Người cách mạng và người tôn giáo thống nhất với nhau ở mục đích mưu cầu hạnh phúc ở đời này cho nhân dân. Chúng ta phải cùng nhau lo nhiệm vụ ấy. Còn đối với tín ngưỡng, tôn giáo thì đã có chính sách rõ ràng. Chúng tôi tôn trọng và bảo đảm tự do tín ngưỡng của tất cả các tôn giáo. Như thế, kể nào đặt ra việc Công giáo không đội trời chung với cộng sản là sai...”

Chúng ta một lần nữa ghi nhận ý kiến độc đáo của Hồ Chí Minh về sự “tương đồng” của Người từ hồi 1945 - 1946.

Sau tháng 4/1975, *Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo yêu Tổ quốc, yêu hòa bình* đã hiệp thương với các tổ chức Công giáo Nam Bộ và tháng 11/1983, tại Đại hội toàn quốc, đã chính thức thành lập UBĐKCGVN do Linh mục

Nguyễn Thế Vịnh làm Chủ tịch. Năm 1997, tại Đại hội III của UBĐKCG đã có cơ sở ở 34 tỉnh, thành phố. Kể từ khi thành lập đến nay, tổ chức này đã hoạt động theo đường hướng:

1. Động viên người Công giáo cùng toàn dân tích cực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2. Góp sức thực hiện đường hướng: “Giáo hội gắn bó với dân tộc, tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng về truyền thống đạo đức và văn hóa dân tộc, cảnh giác trước âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch, giữ gìn Đạo Thánh Chúa”.

3. Quan tâm đến quyền lợi, đời sống vật chất, tinh thần của mọi người Công giáo, phản ánh tâm tư, nguyện vọng trong đời sống tôn giáo của các tín hữu với Nhà nước để xem xét giải quyết.

4. Cùng toàn dân và Kitô hữu trên thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nghĩa là, UBĐKCGVN đã và đang là tổ chức có tính cách xã hội rộng lớn của Giáo hội là cầu nối giữa Giáo hội và Nhà nước, là tổ chức rộng rãi không bị chi phối trực tiếp bởi huấn quyền của Giáo luật nên có thể phát huy khả năng yêu nước, đồng hành cùng dân tộc của đông đảo linh mục, tu sĩ và giáo dân, luôn tìm được sự hỗ trợ và bảo hộ của Nhà nước.

Và như vậy, rõ ràng trong sự hình thành và phát triển nửa thế kỷ qua của tổ chức UBĐKCG, có vai trò quan trọng của những người Cộng sản Việt Nam, một vai trò chỉ có thể coi là phù hợp giữa tình cảm và lí trí, giữa Đạo và Đời, giữa Nhà nước và Giáo hội trong điều kiện của đời sống tôn giáo ở Việt Nam./